BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
**TRƯỜNG ĐH HÀNG HẢI VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1790/ĐHHHVN-TCHC

*Hải Phòng, ngày 24 tháng 12 năm 2020*

# THÔNG BÁO

**Về việc thanh toán giờ năm học 2019-2020 cho giảng viên còn thiếu giờ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và giờ lên thư viện**

Kính gửi:

- Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- Phòng Khoa học - Công nghệ;
- Phòng Đào tạo;
- Thủ trưởng các khoa, viện, bộ môn trong toàn Trường.

Theo Thông báo số 1217/TB-ĐHHHVN-ĐT ngày 15/9/2020 của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc Thanh toán khối lượng giảng dạy năm học 2019-2020, các bộ môn đã phối hợp với phòng Tổ chức - Hành chính, Đào tạo, Khoa học - Công nghệ thực hiện thanh toán khối lượng giảng dạy. Tuy nhiên, còn một số giảng viên thiếu khối lượng theo quy định. Ngày 19/11/2020, Nhà trường đã ban hành Công văn số 1585/ĐHHHVN-TCHC về việc giải trình đối với giảng viên chưa đảm bảo đủ giờ khối lượng A, B và giờ lên thư viện năm học 2019-2020, đề xuất phương án năm học 2020-2021.

Sau khi tổng hợp báo cáo, giải trình của các giảng viên và đơn vị, Nhà trường đã ban hành Thông báo số 1737/ĐHHHVN-TCHC ngày 17/12/2020 về việc thực hiện nghiêm quy chế làm việc của giảng viên đối với giờ giảng dạy, giờ nghiên cứu khoa học và giờ lên thư viện.

Thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Trường, Nhà trường thông báo thanh toán khối lượng vượt giờ giảng dạy (đợt 2) năm học 2019-2020 cho giảng viên còn thiếu giờ nghiên cứu khoa học, giờ lên thư viện (có danh sách kèm theo)./.

***Nơi nhận***:
- Như trên;
- Lưu: VT, TC-HC.

**HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Minh Đức

**DANH SÁCH GIẢNG VIÊN ĐƯỢC THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG (ĐỢT 2)**
**ĐÃ TRỪ GIỜ NCKH CÒN THIẾU NĂM HỌC: 2019 - 2020**

*(Kèm theo Thông báo số 1790/ĐHHHVN-TCHC ngày 24/12/2020 của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam)*

| STT | Họ và tên | Chức danh giảng viên | Bộ môn, Khoa/Viện | Số tài khoản cá nhân | Số giờ đảm nhiệm (tiết) | Tổng nhóm A (tiết) | Tổng nhóm B thiếu (tiết) | Số giờ thư viện còn thiếu (tiết) | Số giờ được thanh toán (tiết) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| *1* | *2* | *3* | *4* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9=6-5-7-8* | *10* |
| 1 | Phan Thị Bích Ngọc | GVC, ThS | 31. BM Kinh tế ngoại thương, Khoa Kinh tế | 103004389104 | 240 | 838 | 34 | 0 | 564 | |
| 2 | Ngô Quốc Vinh | GV | 53. BM Kỹ thuật máy tính, Khoa CNTT | 104004389021 | 240 | 930 | 80 | | 610 | |
| 3 | Phạm Tuấn Đạt | GV | 54. BM Khoa học máy tính, Khoa CNTT | 101004385207 | 204 | 630 | 20 | | 406 | |
| 4 | Trần Đăng Hoan | GV, TS | 56. BM Truyền thông & MMT, Khoa CNTT | 101004389024 | 240 | 554 | 40 | | 274 | |

**DANH SÁCH GIẢNG VIÊN ĐƯỢC THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG (ĐỢT 2)**
**BẢO LƯU GIỜ NCKH CÒN THIẾU NĂM HỌC: 2019 - 2020**

*(Kèm theo Thông báo số 1790/ĐHHHVN-TCHC ngày 24/12/2020 của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam)*

| STT | Họ và tên | Chức danh giảng viên | Bộ môn, Khoa/Viện | Số tài khoản cá nhân | Số giờ đảm nhiệm (tiết) | Tổng nhóm A (tiết) | Tổng nhóm B thừa/thiếu (tiết) | Số giờ thư viện còn thiếu (tiết) | Số giờ được thanh toán (tiết) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| *1* | *2* | *3* | *4* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9=6-5-8* | *10* |
| 1 | Lê Quốc An | GV | 14. BM Hàng hải, Khoa Hàng hải | 102004747650 | 240 | 282.5 | -80 | 6 | 36.5 | |
| 2 | Lê Quang Vinh | GV | 14. BM Hàng hải, Khoa Hàng hải | 109004384755 | 216 | 396 | -60 | 0 | 180 | |
| 3 | Đỗ Văn Long | GV | 14. BM Hàng hải, Khoa Hàng hải | 103004622283 | 48 | 214 | -48 | 0 | 166 | |
| 4 | Nguyễn Thanh Diệu | GV | 15. BM Cơ sở Hàng hải, Khoa Hàng hải | 100005187007 | 240 | 273 | -20 | 0 | 33 | |
| 5 | Nguyễn Tuấn Anh | GV | 17. BM Luật Hàng hải, Khoa Hàng hải | 102004805455 | 240 | 480 | -100 | 0 | 240 | |
| 6 | Hoàng Văn Thủy | GVC | 18. BM Khai thác Máy tàu biển, Khoa MTB | 102800171963 | 84 | 240 | -28 | 0 | 156 | |
| 7 | Hoàng Văn Mười | GVC | 18. BM Khai thác Máy tàu biển, Khoa MTB | 109004769370 | 144 | 194 | -24 | 0 | 50 | |
| 8 | Mai Thế Trọng | GV | 18. BM Khai thác Máy tàu biển, Khoa MTB | 102004389132 | 240 | 288 | 20 | 6 | 42 | |
| 9 | Phạm Văn Linh | GV | 18. BM Khai thác Máy tàu biển, Khoa MTB | 103005155830 | 144 | 172 | -4 | 0 | 28 | |
| 10 | Bùi Quốc Tú | GVC | 18. BM Khai thác Máy tàu biển, Khoa MTB | 101004389121 | 204 | 418 | 0 | 0 | 214 | |
| 11 | Phạm Quốc Việt | GVC | 19. BM Máy tàu thủy, Khoa Máy tàu biển | 108004389042 | 240 | 274 | -120 | | 34 | |
| 12 | Cao Đức Thiệp | GV,TS | 19. BM Máy tàu thủy, Khoa Máy tàu biển | 101004501175 | 192 | 215 | -27 | | 23 | |
| 13 | Hoàng Đức Tuấn | GVC | 19. BM Máy tàu thủy, Khoa Máy tàu biển | 105004401341 | 240 | 241 | -120 | | 1 | |
| 14 | Nguyễn Hữu Dũng | GV | 21. BM Cơ sở máy tàu, Khoa MTB | 108004943364 | 120 | 189 | -240 | 12 | 57 | |
| 15 | Phạm Anh Đức | GV | 21. BM Cơ sở máy tàu, Khoa MTB | 101005397124 | 192 | 328 | -240 | 9 | 127 | |
| 16 | Nguyễn Minh Đức | GV | 21. BM Cơ sở máy tàu, Khoa MTB | 108004387426 | 240 | 296 | -100 | 0 | 56 | |
| 17 | Nguyễn Hồng Phúc | PGS.TS.GVCC | 21. BM Cơ sở máy tàu, Khoa MTB | 104004472608 | 120 | 133 | -240 | 0 | 13 | |
| 18 | Nguyễn Mạnh Thường | PGS.TS.GVCC | 21. BM Cơ sở máy tàu, Khoa MTB | 104004384078 | 192 | 255 | -240 | 21 | 42 | |
| 19 | Nguyễn Văn Võ | GVC | 27. BM Lý thuyết thiết kế tàu, Khoa ĐT | 107004385348 | 192 | 248 | -137 | 0 | 56 | |
| 20 | Nguyễn Văn Hân | GVC | 28. BM Kết cấu tàu và CTN, Khoa ĐT | 102004385367 | 240 | 380 | -189 | 0 | 140 | |
| 21 | Cù Huy Chính | GV | 28. BM Kết cấu tàu và CTN, Khoa ĐT | 105006346399 | 192 | 242 | -102 | 21.6 | 28 | |
| 22 | Nguyễn Thị Hà Phương | GV | 29. BM Tự động hóa TKTT, Khoa ĐT | 106001571021 | 96 | 97 | -96 | 0 | 1 | |
| 23 | Nguyễn Minh Vũ | GV | 29. BM Tự động hóa TKTT, Khoa ĐT | 100004283828 | 120 | 177 | -192 | 15.4 | 42 | |
| 24 | Nguyễn Bích Ngọc | GV | 35. BM Kinh tế cơ bản, Khoa Kinh tế | 105004385121 | 240 | 789 | -20 | 26 | 523 | |
| 25 | Phạm Thế Hưng | GVC | 35. BM Kinh tế cơ bản, Khoa Kinh tế | 107004385074 | 240 | 550 | -137 | | 310 | |
| 26 | Bùi Thanh Tùng | GVC | 36. BM TC - NH, Khoa QT - TC | 107004386564 | 240 | 321 | 0 | 36 | 45 | |
| 27 | Đặng Văn Trường | GV, ThS | 39. BM Kỹ thuật nhiệt lạnh, Viện Cơ khí | 101004406582 | 240 | 241.0 | -180 | | 1 | |
| 28 | Hà Xuân Chuẩn | PGS.TS.GVCC | 49. BM Xây dựng DD&CN, Khoa CT | 109004384661 | 240 | 317 | -90 | | 77 | |

| STT | Họ và tên | Chức danh giảng viên | Bộ môn, Khoa/Viện | Số tài khoản cá nhân | Số giờ đảm nhiệm (tiết) | Tổng nhóm A (tiết) | Tổng nhóm B thừa/thiếu (tiết) | Số giờ thư viện còn thiếu (tiết) | Số giờ được thanh toán (tiết) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| *1* | *2* | *3* | *4* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9=6-5-8* | *10* |
| 29 | Đoàn Văn Duẩn | GV, TS | 49. BM Xây dựng DD&CN, Khoa CT | 108870380058 | 240 | 354 | -240 | | 114 | |
| 30 | Phạm Trung Minh | GV | 53. BM Kỹ thuật máy tính, Khoa CNTT | 102004389023 | 204 | 1197 | -5 | | 993 | |
| 31 | Trần Đình Vương | GV | 55. BM Hệ thống thông tin, Khoa CNTT | 107004389030 | 240 | 1049 | -160 | | 809 | |
| 32 | Nguyễn Trung Quân | GV | 56. BM Truyền thông & MMT, Khoa CNTT | 107005658589 | 240 | 386 | -60 | | 146 | |
| 33 | Vũ Phạm Minh Hiển | GV | 56. BM Truyền thông & MMT, Khoa CNTT | 108006613531 | 240 | 307 | -120 | | 67 | |
| 34 | Bùi Quốc Hưng | GVC, TS | 58. BM Những NLCBCNMLN, Khoa LLCT | 109004389014 | 192 | 656 | -4 | 0 | 464 | |
| 35 | Phạm Quang Khải | GV | 62. BM Toán, Khoa Cơ sở cơ bản | 106004386444 | 240 | 332 | -160 | 0 | 92 | |